

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 -TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 18-7-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC-Tây Ninh**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Minh.

2. Ông Võ Văn Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh: ông Nguyễn Văn Tòng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh V đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 107/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam.

Địa chỉ: LBP Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, phường G, quận H, Thành phố U, Việt Nam (nay là phường H, Thành phố U).

Người đại diện pháp luật: ông Vũ Quốc A – Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc B – Giám đốc Chi nhánh W.

Địa chỉ liên hệ: Số 123-125-127 Hùng Vương, Phường K, thành phố L, tỉnh W (nay là phường W, tỉnh V).

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Phan Nguyễn Thiên C, sinh năm 1975 – Trưởng phòng khách hàng cá nhân – Chi nhánh W.

- Ông Trương Tấn D, sinh năm 1985 – Chuyên viên khách hàng - Chi nhánh W.

- Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1987 – Chuyên viên Phòng xử lý nợ pháp lý - Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1963.

2.2. Bà Nguyễn Thị Thu F, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Số 301/1 ấp Nhà Việc, xã X, huyện Y, tỉnh W (nay là xã X, tỉnh V).

(Ông Đ có mặt. các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Bá Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh W theo hợp đồng tín dụng số HDTD8102023459 ký ngày 29/12/2023, cụ thể:

- Số tiền vay: 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: 12.35%/năm.
- Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh thu mua thanh long.
- Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ.
- Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả 01 tháng 01 lần theo dư nợ thực tế, trả vào ngày 15 của kỳ trả lãi.

Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC8102023159 ký ngày 29/12/2023, công chứng tại Văn phòng Công chứng Hồ Thị Hồng Linh ngày 29/12/2023, số công chứng: 9131, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/12/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y, tỉnh W. Theo đó, tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất, các tài sản, quyền và lợi ích khác gắn liền với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.482,5m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Thanh Phú Long, huyện Y, tỉnh W (nay là xã Thuận Mỹ, tỉnh V) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN 406681, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02427 do UBND huyện Y, tỉnh W cấp ngày 25/04/2013, cập nhật thay đổi ngày 21/01/2014, 26/01/2021, 11/01/2023, 29/12/2023. Chủ sở hữu: bà Nguyễn Thị Thu F.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 8102023459/01 ký ngày 29/12/2023 với tổng số tiền đã giải ngân là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, đến ngày 18/7/2025, bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả phát sinh theo

thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết đã ký.

Bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng số HDTD8102023459 ký ngày 29/12/2023, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8102023459/01 ký ngày 29/12/2023 là không thanh toán nợ đúng hạn, không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng để trả nợ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam kính đề nghị Tòa án Tòa xem xét và giải quyết như sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E thanh toán ngay, một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2025 là: 2.726.634.683 đồng (*hai tỷ, bảy trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó:

- + Nợ gốc: 2.300.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 177.433.973 đồng.
- + Nợ lãi chậm trả gốc: 234.696.411 đồng.
- + Nợ lãi chậm trả lãi: 14.504.300 đồng.

2. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong từng hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà bà F và ông E đã ký kết với Ngân hàng.

3. Ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết.

Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E nhưng ông E, bà F không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - V phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tòa án đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng.

- Về nội dung:

Ngày 29/12/2023, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Thu F vay của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam- Chi nhánh W số tiền 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12.35%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh thu mua thanh long, thời hạn trả lãi 01 tháng/lần theo dư nợ thực tế trả vào ngày 15 của kỳ trả lãi theo hợp đồng tín dụng số HDTD8102023459 ngày 29/12/2023 để đảm bảo cho khoản vay ông E, bà F ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC8102023159 ngày 29/12/2023 thế chấp thửa đất số 297, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.482,5 m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Thanh Phú Long, huyện Y, tỉnh W (nay là xã Thuận Mỹ, tỉnh V) được công chứng tại văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh ngày 29/12/2023. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.300.000.000 đồng cho ông E, bà F theo khế ước nhận nợ số 8102023459/01 ngày 29/12/2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông E, bà F nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù được Ngân hàng nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông E, bà F phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 2.726.634.683 đồng (trong đó gồm: Nợ gốc là 2.300.000.000 đồng, nợ lãi 177.433.973, nợ lãi chậm trả gốc là 234.696.411 đồng, nợ lãi chậm lãi trả lại là 14.504.300 đồng, tạm tính đến ngày 18/7/2025) là có cơ sở.

Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự, Điều 100, 102, 103 Luật Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam đối với bị đơn ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị Thu F.

Buộc ông E, bà F phải trả cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam tổng cộng số tiền là 2.726.634.683 đồng (trong đó gồm: Nợ gốc là 2.300.000.000 đồng, nợ lãi 177.433.973, nợ lãi chậm trả gốc là 234.696.411 đồng, nợ lãi chậm lãi trả lại là 14.504.300 đồng, tạm tính đến ngày 18/7/2025).

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án bao gồm: Điều lệ Ngân hàng, quyết định ngày 25/7/2024 của Tổng Giám đốc về việc sửa đổi tên của Ngân hàng tại Điều lệ LPBank, quyết định số 3457/2024/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2024 của Hội đồng quản trị LPBank V/v bổ nhiệm đối với ông Vũ Quốc A, quyết định số 3490/2024/QĐ-HĐQT ngày 08/10/2024 của Hội đồng quản trị LPBank V/v tiếp nhận và bổ nhiệm đối với ông Phạm Ngọc B, quyết định số 9721A/2023/QĐ-LPBank.GSKD&XLN ngày 11/7/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam V/v Ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý, thu hồi nợ, căn cước công dân bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E, giấy chứng nhận kết hôn bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E, hợp đồng tín dụng số HDTD8102023459 ký ngày 29/12/2023, giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 8102023459/01 ký ngày 29/12/2023, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC8102023159 ký ngày 29/12/2023, giấy Đăng ký Giao dịch đảm bảo ngày 29/12/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y, tỉnh W, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 406681, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02427 do UBND huyện Y, tỉnh W cấp ngày 25/04/2013, cập nhật thay đổi ngày 21/01/2014, 26/01/2021,

11/01/2023, 29/12/2023, thông báo thu hồi nợ ngày 05/09/2024, biên bản giao nhận giấy tờ ngày 05/09/2024, biên bản hòa giải không được, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không được, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E với yêu cầu trả số tiền tính đến hết ngày 18/7/2025 là: 2.726.634.683 đồng (hai tỷ, bảy trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng). đồng thời ông E, bà F có nơi cư trú tại xã Thanh Phú Long, huyện Y, tỉnh W (nay là xã Thuận Mỹ, tỉnh V). Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân khu vực 5 - V có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ để thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông E, bà F.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HDTD8102023459 ký ngày 29/12/2023 thể hiện bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E có vay của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam tính đến ngày 18/7/2025 có nợ gốc là 2.726.634.683 đồng (hai tỷ, bảy trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc: 2.300.000.000 đồng, nợ lãi: 177.433.973 đồng, nợ lãi chậm trả gốc: 234.696.411 đồng và nợ lãi chậm trả lãi: 14.504.300 đồng. Nay đã đến thời hạn trả nợ nhưng ông E, bà F chưa thực nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam là có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông E, bà F trả cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền trên.

[3.3] Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC8102023159 ký ngày 29/12/2023, công chứng tại Văn phòng Công chứng Hồ Thị Hồng Linh ngày 29/12/2023, số công chứng 9131, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD, giữa ông E, bà F và Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam thể hiện ông E, bà F thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ vay bằng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.482,5m², loại đất ở nông thôn tại xã Thanh Phú Long, huyện Y, tỉnh W (nay là xã Thuận Mỹ, tỉnh V) theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN 406681, số vào sổ cấp GCN: CH 02427 do UBND huyện Y, tỉnh W cấp ngày 25/04/2013, cập nhật thay đổi ngày 21/01/2014, 26/01/2021, 11/01/2023, 29/12/2023. Chủ sở hữu: bà Nguyễn Thị Thu F.

Việc thế chấp trên được đăng ký đúng quy định tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có thẩm quyền nên có hiệu lực ràng buộc các bên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam khi ông E, bà F không thực hiện/thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả khoản nợ trên.

Từ những đánh giá, phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam được chấp nhận nên ông E, bà F phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ theo Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam được chấp nhận toàn bộ nên ông E, bà F phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 184, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 292, 293, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E.

[2] Buộc bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền 2.726.634.683 đồng (hai tỷ, bảy trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc: 2.300.000.000 đồng, nợ lãi: 177.433.973 đồng, nợ lãi chậm trả gốc: 234.696.411 đồng và nợ lãi chậm trả lãi: 14.504.300 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong hợp đồng tín dụng số HDTD8102023459 ký ngày 29/12/2023 mà ông E và bà F giao kết với Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam.

Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.482,5m², loại đất ở nông thôn tại xã Thanh Phú Long, huyện Y, tỉnh W (nay là xã Thuận Mỹ, tỉnh V) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN 406681, số vào sổ cấp GCN: CH 02427 do UBND huyện Y, tỉnh W cấp ngày 25/04/2013, cập nhật thay đổi ngày 21/01/2014, 26/01/2021, 11/01/2023, 29/12/2023. Chủ sở hữu: bà Nguyễn Thị Thu F.

[3] Về chi phí tố tụng: buộc bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E phải chịu số tiền 2.100.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam đã tạm ứng trước.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Buộc bà Nguyễn Thị Thu F và ông Nguyễn Văn E phải chịu 86.532.694 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

[4.2] Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 41.309.819 đồng theo biên lai thu số 0010831 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh W.

[5] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V.
- VKSND khu vực 5 – V.
- Thi hành án dân sự tỉnh V.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cảnh